

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số:/...../HD

Hôm nay, ngày tháng năm, Tại

Chúng tôi gồm có:

BÊN BÁN (Bên A)

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số:

Mở tại ngân hàng:

Đại diện là:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền (nếu thay giám đốc ký) số: ngày tháng năm

Do chức vụ ký.

BÊN MUA (Bên B)

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số:

Mở tại ngân hàng:

Đại diện là:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền (nếu thay giám đốc ký) số: ngày tháng năm

Do chức vụ ký.

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung công việc giao dịch

1. Bên A bán cho bên B:

Số thứ tự	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1.						
2.						
Cộng						
Tổng giá trị bằng chữ:						

2. Bên B bán cho bên A:

Số thứ tự	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1.						
2.						
Cộng						
Tổng giá trị bằng chữ:						

Điều 2: Giá cả

Đơn giá mặt hàng trên là giá theo văn bản (nếu có) của

Điều 3: Chất lượng và quy cách hàng hóa

1. Chất lượng mặt hàng được quy định theo

Điều 4: Bao bì và ký mã hiệu

- 1. Bao bì làm bằng:
- 2. Quy cách bao bì cỡ kích thước
- 3. Cách đóng gói:
- 4. Trọng lượng cả bì:
- 5. Trọng lượng tịnh:

Điều 5: Phương thức giao nhận

1. Bên A giao cho bên B theo lịch sau:

Số thứ tự	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1						
2						

2. Bên B giao cho bên A theo lịch sau:

Số thứ tự	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1						
2						

3. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bên chịu.

Chi phí bốc xếp (mỗi bên chịu một đầu hoặc)

4. Quy định lịch giao nhận hàng hóa mà bên mua không đến nhận hàng thì phải chịu chi phí lưu kho bãi là đồng/ngày. Nếu phương tiện vận chuyển bên mua đến mà bên bán không có hàng giao thì bên bán phải chịu chi phí thực tế cho việc điều động phương tiện.

5. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng v.v... thì lập biên bản tại chỗ, yêu cầu bên bán xác nhận. Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm (trừ loại hàng có quy định thời hạn bảo hành).

6. Trường hợp giao nhận hàng theo nguyên đai, nguyên kiện, nếu bên mua sau khi chở về nhập kho mới hiện có vi phạm thì phải lập biên bản gọi cơ quan kiểm tra trung gian (.....) đến xác nhận và phải gửi đến bên bán trong hạn 10 ngày tính từ khi lập biên bản. Sau 15 ngày nếu bên bán đã nhận được biên bản mà không có ý kiến gì thì coi như đã chịu trách nhiệm bồi thường lô hàng đó.

7. Mỗi lô hàng khi giao nhận phải có xác nhận chất lượng bằng phiếu hoặc biên bản kiểm nghiệm; khi đến nhận hàng, người nhận phải có đủ:

- Giấy giới thiệu của cơ quan bên mua;
- Phiếu xuất kho của cơ quan bên bán;
- Giấy chứng minh nhân dân.

Điều 6: Trách nhiệm đối với hàng hóa không phù hợp với hợp đồng

1. Bên bán không chịu trách nhiệm về bất kỳ khiếm khuyết nào của hàng hoá nếu vào thời điểm giao kết hợp đồng bên mua đã biết hoặc phải biết về những khiếm khuyết đó;

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn khiếu nại theo quy định của Luật thương mại 2005, bên bán phải chịu trách nhiệm về bất kỳ khiếm khuyết nào của hàng hoá đã có trước thời điểm chuyển rủi ro cho bên mua, kể cả trường hợp khiếm khuyết đó được phát hiện sau thời điểm chuyển rủi ro;
3. Bên bán phải chịu trách nhiệm về khiếm khuyết của hàng hóa phát sinh sau thời điểm chuyển rủi ro nếu khiếm khuyết đó do bên bán vi phạm hợp đồng.

Điều 7: Nghĩa vụ đảm bảo quyền sở hữu đối với hàng hóa

Bên bán phải bảo đảm:

1. Quyền sở hữu của bên mua đối với hàng hóa đã bán không bị tranh chấp bởi bên thứ ba;
2. Hàng hóa đó phải hợp pháp;
3. Việc chuyển giao hàng hoá là hợp pháp.

Điều 8: Nghĩa vụ đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa

1. Bên bán không được bán hàng hóa vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. Bên bán phải chịu trách nhiệm trong trường hợp có tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa đã bán.
2. Trường hợp bên mua yêu cầu bên bán phải tuân theo bản vẽ kỹ thuật, thiết kế, công thức hoặc những số liệu chi tiết do bên mua cung cấp thì bên mua phải chịu trách nhiệm về các khiếu nại liên quan đến những vi phạm quyền sở hữu trí tuệ phát sinh từ việc bên bán đã tuân thủ những yêu cầu của bên mua.

Điều 9: Bảo hành và hướng dẫn sử dụng hàng hóa

1. Bên bán có trách nhiệm bảo hành chất lượng và giá trị sử dụng loại hàng cho bên mua trong thời gian là tháng.
2. Bên bán phải cung cấp đủ mỗi đơn vị hàng hóa một giấy hướng dẫn sử dụng (nếu cần).

Điều 10: Phương thức thanh toán

1. Bên A thanh toán cho bên B bằng hình thức trong thời gian
2. Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức trong thời gian

Điều 11: Ngừng thanh toán tiền mua hàng

Việc ngừng thanh toán tiền mua hàng được quy định như sau:

1. Bên B có bằng chứng về việc bên A lừa dối thì có quyền tạm ngừng việc thanh toán;
2. Bên B có bằng chứng về việc hàng hóa đang là đối tượng bị tranh chấp thì có quyền tạm ngừng thanh toán cho đến khi việc tranh chấp đã được giải quyết;
3. Bên B có bằng chứng về việc bên A đã giao hàng không phù hợp với hợp đồng thì có quyền tạm ngừng thanh toán cho đến khi bên A đã khắc phục sự không phù hợp đó;
4. Trường hợp tạm ngừng thanh toán theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này mà bằng chứng do bên B đưa ra không xác thực, gây thiệt hại cho bên A thì bên B phải bồi thường thiệt hại đó và chịu các chế tài khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12: Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu cần)

Lưu ý: Chỉ ghi ngắn gọn cách thức, tên vật bảo đảm và phải lập biên bản riêng.

Điều 13: Trách nhiệm vật chất trong việc thực hiện hợp đồng

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới % giá trị của hợp đồng bị vi phạm (cao nhất là 8%). ^u
2. Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của các văn bản pháp luật có hiệu lực hiện hành về phạt vi phạm chất lượng, số lượng, thời gian, địa điểm, thanh toán, bảo hành v.v...

mức phạt cụ thể do hai bên thỏa thuận dựa trên khung phạt Nhà nước đã quy định trong các văn bản pháp luật về loại hợp đồng này.

Điều 14: Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết (cần lập biên bản ghi toàn bộ nội dung).
2. Trường hợp các bên không tự giải quyết được mới đưa vụ tranh chấp ra tòa án.

Điều 15: Các thỏa thuận khác (nếu cần)

Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật về loại hợp đồng này.

Điều 16: Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý hợp đồng này sau khi hết hiệu lực không quá 10 ngày. Bên có trách nhiệm tổ chức và chuẩn bị thời gian địa điểm thanh lý.

Hợp đồng này được làm thành bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Chức vụ

Ký tên

(Đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

Chức vụ

Ký tên

(Đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Mức phạt vi phạm hợp đồng do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức quy định theo Điều 301 Luật thương mại 2005;